

GIAI THOẠI - ĐIỂN TÍCH

Cuộc đời Tư Mã Thiên và tác phẩm Sử ký của Ông

Tư Mã Thiên, tự là Tử Trường, người Hạ Dương (nay ở phía nam Nam Hà Thành, tỉnh Thiểm Tây). Ông sinh năm 145 (hoặc 135 ?) trước CN ; ông mất năm nào, hiện vẫn chưa rõ. Ông đã dành tinh lực suốt cuộc đời, hoàn thành tác phẩm *Sử ký* bất hủ trong lịch sử sử học Trung Quốc .

Phụ thân Tư Mã Thiên là Tư Mã Đàm, từng nhậm chức Thái sử lệnh thời Hán Vũ đế, chuyên quản lý thư tịch, tài liệu của hoàng gia. Nghề nghiệp khiến Tư Mã Đàm rất say mê sử học, từng có dự định biên soạn bộ thông sử cổ kim, nhưng ông đã không kịp thực hiện chí hướng của mình. Tư Mã Thiên từ nhỏ chịu ảnh hưởng của cha, 10 tuổi bắt đầu học cổ văn, từng thụ học những bậc đại sư Nho học cực kỳ nổi tiếng đương thời là Khổng An Quốc, Đồng Trọng Thư. Năm 20 tuổi, Tư Mã Thiên khởi đầu chuyến du lịch Bắc – Nam. Sau khi trở về Trường An, ông nhậm chức Lang Trung, cùng Hán Vũ đế đi Bình Lương, Không Đồng (nay là tỉnh Cam Túc) miền Tây Bắc, sau lại phụng mệnh đi sứ đến các nước Ba, Thục (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên), tiếp đó đến tỉnh cực nam Côn Minh. Năm Nguyên Phong thứ nhất (110 trước CN), Hán Vũ đế cho tổ chức lễ phong

thiện⁽¹⁾ với quy mô lớn, nhưng Tư Mã Đàm lại lâm bệnh, mất trên đường đi ở Lạc Dương. Theo di mệnh của cha, Tư Mã Thiên bèn đi gấp đến Thái Sơn tham gia lễ phong thiện, sau đó men theo Đông Hải vòng qua bắc Trường Thành trở về Trường An. Trong cuộc đời, Tư Mã Thiên đã để lại dấu chân của mình trên khắp mọi miền đất nước. Phía Đông đến Tế, Lỗ (nay là tỉnh Sơn Đông); Tây đến Cam Túc; Nam đến Vân Nam, Quý Châu; Bắc vượt qua Trường Thành; miền Trung thì đến Trường Giang - Hà Nam - Thiểm Tây, nghĩa là Tư Mã Thiên đã hầu như hoàn thành chuyến du lịch qua toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc đương thời. Năm Nguyên Phong thứ ba (108 trước CN), Tư Mã Thiên chính thức nhậm chức Thái sử lệnh, có cơ hội được đọc tất cả các loại thư tịch, hồ sơ và nhiều loại sử liệu tàng trữ trong triều đình Hán. Vậy là, Tư Mã Thiên đã đạt được yêu cầu “Đọc hết vạn quyển sách, đi qua vạn dặm đường” (Độc vạn quyển thư, hành vạn lý lộ) mà bản thân ông cho rằng sử gia tất phải có. Năm Thái Sơ nguyên niên (104 trước CN), Tư Mã Thiên cùng với nhóm Đường Đê, Lạc Hạ Hồng tu định lịch Thái Sơ, tiến hành cuộc cải cách lớn đầu tiên trong lịch sử lịch

pháp Trung Quốc. Cùng năm, thực hiện ý nguyện của cha, Tư Mã Thiên bắt tay viết *Sử ký*. Miệt mài viết *Sử ký* được 5 năm, đến năm Thiên Hán thứ hai (năm 99 trước CN), Tư Mã Thiên - vì thanh minh, biện giải cho tướng quân Lý Lăng phải đầu hàng Hung nô trong tình thế bất khả kháng - , đã khiến Hán Vũ đế nổi giận, khép ông vào tội coi thường nhà vua, rồi xử ông với hình phạt “hủ hình” (còn gọi là “cung hình”, tức bị thiến). Bất hạnh này khiến tinh thần Tư Mã Thiên chịu tổn thương nặng nề, nhưng đồng thời cũng khiến ông nhận thức rõ hơn sự hắc ám, tàn bạo của nền thống trị chuyên chế phong kiến. Năm Thái Thủy nguyên niên (năm 93 trước CN), Tư Mã Thiên xuất ngục, làm Trung thư lệnh. Từ đó, ông ngày đêm vui đùa vào trước thuật để chỉ 2 năm sau, vào năm Trưng Hòa thứ 2, ông đã hoàn thành bộ *Sử ký* - một kiệt tác “Thông tỏ mọi sự biến cổ kim – Thành ngôn luận của riêng một nhà” (Thông cổ kim chi biến – Thành nhất gia chi ngôn).

Sử ký lúc đầu có tên “Thái sử công thư”, “Thái sử công ký”, “Thái sử ký”, là bộ thông sử thể truyện ký đầu tiên trong lịch sử sử học Trung Quốc. Tác phẩm gồm 130 thiên, hơn 526.500 chữ, gồm có 12 Bản ký; 10 Biểu; 8 Thư; 30 Thế gia, và 70 Liệt truyện, bao quát khoảng 3000 năm lịch sử từ Hoàng Đế đến Hán Vũ đế. Trong đó, “Bản kỷ” viết theo thể biên niên, ghi chép thể hệ các đế vương qua các đời; niên đại quá xa xưa thì lấy triều đại làm mốc, niên đại tương đối gần thì lấy đế vương hoặc kẻ đương quyền trong thực tế làm mốc. Thực chất, “Bản kỷ” là đại sự ký biên niên toàn

quốc, là cương lĩnh chung của bộ *Sử ký*. “Thế gia” cũng viết theo thể biên niên, ghi chép việc phong tước cấp đất cho tầng lớp quý tộc, những khai quốc công thần và những nhân vật có địa vị và ảnh hưởng đặc thù. Sự việc của họ có lẽ không liên quan đến cả nước, nhưng có ảnh hưởng cực lớn đối với việc phong tước cấp đất ở thời nào đó, hoặc đối với một phương diện nào đó trong đời sống xã hội toàn quốc. Như vậy, phần lớn 30 thiên “Thế gia” có thể coi là “lịch sử của cá nhân nào đó, của sự việc nào đó trong nước” (Quốc biệt sử), và thường được xếp ở giữa “Bản kỷ” và “Liệt truyện”. “Liệt truyện” chiếm số trang nhiều nhất, có thể phân thành 2 loại lớn. *Loại thứ nhất* là truyện ký nhân vật thì có “chuyên truyện” chỉ viết riêng về một người, có “hợp chuyện” viết về 2 hoặc vài người, có “loại truyện” thì được trình bày theo tính cách nhân vật. Ở loại truyện ký nhân vật này, phạm vi nhân vật được đề cập tới rất rộng, gồm đủ mọi giai tầng trong xã hội, như: quý tộc, quan liêu, chính trị gia, kinh tế gia, quân sự gia, triết học gia, văn học gia, kinh học gia, mưu sĩ, ẩn sĩ, thuyết khách, thích khách, hiệp khách, thầy thuốc, thương nhân, người xem bói, vv; *Loại thứ hai* là những ghi chép về nước ngoài hoặc những dân tộc thiểu số trong nước, đề cập đến lịch sử quan hệ giữa Trung Quốc với nước ngoài và lịch sử quan hệ giữa các dân tộc trong nước. Thực chất, loại liệt truyện này là nguồn gốc của các loại “Tứ di truyện”, “Ngoại quốc truyện” trong các sách sử sau này. “Liệt truyện” có tác dụng bổ sung và cụ thể hóa đối với “Bản kỷ”. “Biểu” thì hệ thống được sắp xếp theo thể hệ, tước vị và

chính tích giản yếu của các bậc đế vương, chư hầu, quý tộc, tướng soái, đại thần; và lấy niên đại xa hay gần, sự kiện phức tạp hay giản đơn mà chia thành thế biểu, niên biểu, nguyệt biểu. Ngày nay, các nhà sử học có thể phân thành 2 loại là “Đại sự biểu” và “Nhân vật biểu”. Tác dụng của “Biểu” là hình tượng, trực quan, tiện cho người đọc, vừa có thể bổ sung những chỗ thiếu trong “Bản kỷ”, “Thế gia”, “Liệt truyện”; lại vừa có thể lược bớt được nhiều từ ngữ, tránh được sự dài dòng, rườm rà. “Thư” viết theo lối phân ngành định loại, ghi chép chế độ điển chương qua các thời, trên các lĩnh vực thiên văn, lịch pháp, lễ nhạc, phong thiện, thủy lợi, kinh tế, vv... phản ánh mọi phương diện của đời sống xã hội, là bộ phận rất quan trọng trong *Sử ký*. Đáng chú ý nhất là thiên “Bình chuẩn thư” viết về tình hình kinh tế xã hội thời Hán - đặc biệt là những ghi chép về diễn biến của chính sách kinh tế triều Hán – đã mở ra tiền lệ cho mục “Thực hóa chí” trong các bộ chính sử sau này.

Thể lệ của *Sử ký* là sản phẩm kết hợp giữa sự kế thừa và sáng tạo. Trước *Sử ký*, đã có thể tài Ký, Biểu, Thư, ví như: *Vũ bản kỷ*, *Chu phả*, *Thượng thư*, vv.; nhưng mỗi tác phẩm là một thể tài, hơn nữa kết cấu cũng không chặt chẽ. Đến Tư Mã Thiên, ông đã hấp thu một cách thông minh, khéo léo những ưu điểm vốn có của mỗi thể tài, rồi gộp chúng vào quyển *Sử ký*, đồng thời sáng tạo ra phần “Liệt truyện”, lần đầu tiên cấu trúc nên thể tài truyện ký mà trước đó chưa hề có trong lịch sử sử học Trung Quốc. Năm danh mục trong thể tài này (Bản kỷ - Biểu - Thư - Thế gia và Liệt

truyện) độc lập với nhau, nhưng lại hô ứng với nhau khiến việc ghi chép lịch sử đạt được hiệu quả đa phương diện, đa góc độ, rất thuận cho việc phản ánh nhân vật thuộc các giai tầng xã hội khác nhau trong các thời kỳ lịch sử khác nhau, thậm chí là những hoạt động lịch sử trên nhiều phương diện của nhiều dân tộc. Về khách quan, nội dung phản ánh và phương thức phản ánh trên đã thích ứng với xu thế và nhu cầu đại nhất thống phong kiến, để lại nhiều chuẩn tắc cho đời sau. Từ *Hán thư* đến *Minh sử*, tuy cá biệt danh mục có phần nào thay đổi (như *Hán thư* đổi “Thư” thành “Chí”; *Tấn thư* đổi “Thế gia” thành “Tài ký”), hoặc các danh mục không đầy đủ như trong *Sử ký* (như *Hán thư* không có “Thế gia”; *Hậu Hán thư* và *Tam quốc chí* thì không có “Biểu”, “Chí” và “Thế gia”), nhưng bất kể bộ chính sử nào cũng đều có 2 thể tài “Ký” và “Truyện”. *Sử ký* xứng đáng được coi là thủy tổ của sách sử theo thể tài truyện ký ở Trung Quốc.

Thể tài thông sử do *Sử ký* sáng tạo có ảnh hưởng cực lớn đối với sử học các thời sau. Cụ thể: Cuốn *Thông chí* của Trịnh Tiều thời Nam Tống là cuốn thông sử thể điển chí; các loại sách như chính thư, biên niên sử, vv... cũng được viết theo thể thông sử; *Sử ký* còn khiến cho sử học thoát khỏi sự phụ thuộc vào Kinh học. Thành công to lớn của *Sử ký* là đã đưa ra được mẫu mực cho người viết sử, kích thích hứng thú nghiên cứu lịch sử của người đời sau. Cùng với các điều kiện xã hội khác, người viết sử ngày càng nhiều, số lượng trước tác sử học hoàn chỉnh không ngừng xuất hiện, thúc

đầy sử học “từ chỗ chỉ là ngành phụ thuộc vào Kinh học, đã trở thành một ngành độc lập, có nội dung phong phú”.

Sử ký có vị trí rất cao trong lịch sử sử học thế giới. Một mặt, nó đã bảo tồn được nhiều sử liệu quan trọng của các quốc gia châu Á; mặt khác, nếu so sánh tính toàn diện của *Sử ký* trong việc ghi chép những hoạt động lịch sử (đặc biệt là thái độ trọng thị của Tư Mã Thiên đối với hoạt động sản xuất, người dân lao động và tư tưởng học thuật) với những trước tác sử học cùng thời kỳ của Hy Lạp thường chỉ chú trọng các phương diện chính trị - quân sự, thì sẽ càng thấy rõ tính hợp lý và tính tiến bộ của nó. Với tư cách là trước tác lịch sử viết theo thể truyện ký, *Sử ký* còn ảnh hưởng đến những bộ chính sử của các nước Đông Á, như Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, thể hiện qua những bộ chính sử *Đại Nhật bản sử*, *Cao ly sử*, *Đại Việt sử ký*. Thành tựu của *Sử ký* dẫn đến sự quan tâm chú ý của các quốc gia trên thế giới, nhiều thiên của trước tác này đã được dịch ra tiếng Nga, Pháp, Anh, Đức, Việt Nam. Học giả Nhật Bản Tatsukawa Shigen (Long Xuyên Tư Ngôn) còn biên soạn cuốn *Sử ký hội chú khảo chứng*, tập hợp thành quả chú thích và khảo chứng *Sử ký* của nhiều người. Tiếp đó, cũng một học giả người Nhật là Mizusawa Toshitada (Thủy Trạch Lợi Trung) lại viết *Sử ký hội chú khảo chứng hiệu bổ* để bổ sung, sửa chữa cho cuốn trước.

Trải qua các thời, chú bản cho *Sử ký* tương đối nhiều, trong đó có ba bản chú quan trọng nhất còn tồn tại đến nay, đó là: *Sử ký tập giải* của Bùi Yên thời Tống; *Sử*

ký sách ẩn (Tìm hiểu những điều chưa biết của *Sử ký*) và *Sử ký chính nghĩa* của Tư Mã Trinh và Trương Thủ Tiết thời Đường. Gần đây, bản *Sử ký* mới nhất, do Trung Hoa thư cục hiệu đính và cho xuất bản là chú bản *Sử ký* mới nhất, có chất lượng khá tốt, rất thuận lợi cho người đọc thưởng thức, tra cứu.

DUY ĐạT biên khảo

CHÚ THÍCH:

(1) Phong thiện: Thời Chiến quốc, có một số Nho sĩ cho rằng Thái sơn là ngọn núi cao nhất trong Ngũ nhạc (Ngũ nhạc: Tức năm trái núi cao, tượng trưng cho âm phương ở Trung Quốc, là: Hành sơn Nam nhạc, Hoạ sơn Tây nhạc, Trung sơn trung nhạc, Thái sơn Đông nhạc, Hằng sơn Bắc nhạc), nên bậc đế vương phải đến Thái sơn tế lễ. Tế trời gọi là “Phong”; tế đất gọi là “Thiện”. Theo sách *Từ Hải*, Tần Thủy Hoàng và Hán Vũ đế từng đến Thái sơn cử hành đại điển lễ này.

SÁCH THAM KHẢO

1. Tư Mã Thiên: *Sử ký* (Nhữ Thành dịch), Nxb Văn học, Hà Nội, 1988.
2. Nhiều tác giả: *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã.
3. Trương Hải Bằng chủ biên: *Trung Quốc truyền thống văn hóa luận cương*, An Huy giáo dục xuất bản xã, 1996.
4. Đào Duy Anh: *Hán - Việt từ điển*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
5. *Từ Hải*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1998.